

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Tên học phần:** Ngữ dụng học tiếng Việt

(*Vietnamese Pragmatics*)

- Mã số học phần: SG 298
- Số tín chỉ học phần: 02
- Số tiết học phần: 30 tiết lý thuyết, 60 tiết tự học

**2. Đơn vị phụ trách học phần:**

- Bộ môn: Sư phạm Ngữ văn
- Khoa: Sư phạm

**3. Học phần tiên quyết:** SP 297

**4. Mục tiêu của học phần:**

### 4.1. Kiến thức

Trang bị những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Ngữ dụng học (NDH) một cách hệ thống. Cụ thể:

- 4.1.1. Nắm được đối tượng, nhiệm vụ của NDH, những tiền đề thúc đẩy sự đời của Ngữ dụng học và mối quan hệ của NDH với Ngữ pháp học và Ngữ nghĩa học.
- 4.1.2. Hiểu và trình bày được những khái niệm cơ bản của NDH.
- 4.1.3. Trình bày được các quy tắc ngữ dụng: quy tắc chiếu vật, quy tắc thực hiện các hành động ngôn từ, quy tắc lập luận, quy tắc hội thoại.
- 4.1.4. Nắm được các loại ý nghĩa, các loại hàm ý và trình bày được các cơ chế tạo hàm ý hội thoại.

### 4.2. Kỹ năng:

Vận dụng hệ thống lý thuyết về NDH vào việc tạo lập và giải mã phát ngôn (PN), diễn ngôn (DN).

- 4.2.1. Xác định và phân tích được nhân tố giao tiếp, phương thức chiếu vật và vai trò của chúng trong giao tiếp.
- 4.2.2. Xác định và phân tích được hành động ngôn từ và lập luận của PN, DN.
- 4.2.3. Phân tích được giá trị dụng học của sự vi phạm các quy tắc dụng học của PN, DN.
- 4.2.4. Nâng cao kỹ năng sử dụng ngôn từ trong giao tiếp một cách đúng mực và hiệu quả.

### 4.3. Thái độ:

- 4.3.1. Yêu thích môn học từ việc nhận thức được vị trí và tầm quan trọng của môn học.
- 4.3.2. Có ý thức học tập, nghiên cứu, cập nhật kiến thức từ sách chuyên ngành.
- 4.3.3. Có ý thức lựa chọn ngôn từ và cách thức nói năng nhằm nâng cao hiệu quả giao tiếp cũng như ý thức giữ gìn sự trong sáng và giàu đẹp của tiếng Việt.

## 5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần *Ngữ dụng học tiếng Việt* bao gồm 6 chương. Chương 1 trình bày một số vấn đề chung về NDH: quá trình hình thành và phát triển của NDH, đối tượng và nhiệm vụ của NDH, lý thuyết ngữ cảnh. Các chương còn lại (từ chương 2 đến chương 6) trình bày các vấn đề trọng tâm của học phần. Trong đó, chương 2 trình bày lý thuyết về chiếu vật, chương 3 là lý thuyết hành động ngôn từ, chương 4 là lý thuyết lập luận, chương 5 là lý thuyết hội thoại, chương 6 trình bày vấn đề ý nghĩa tường minh và ý nghĩa hàm ẩn. Hệ thống lý thuyết các chương này trình bày theo hướng từ việc cung cấp các khái niệm nền tảng đến các vấn đề chuyên sâu.

## 6. Cấu trúc nội dung học phần:

### 6.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
<b>Chương 1. Những vấn đề chung về NDH</b>		3	4.1.1; 4.2.1; 4.3.1
	1.1. Quá trình hình thành và phát triển của NDH		
	1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của NDH		
	1.3. Mối quan hệ của NDH với Ngữ pháp học và Ngữ nghĩa học		
	1.4. Ngữ cảnh		
<b>Chương 2. Sự chiếu vật</b>		3	4.1.2; 4.1.3; 4.2.1; 4.2.3; 4.2.3; 4.3.3
	2.1. Khái niệm chiếu vật		
	2.2. Điều kiện chiếu vật		
	2.3. Các phương thức chiếu vật		
	2.4. Cơ sở xác định nghĩa chiếu vật của phát ngôn		
<b>Chương 3. Lý thuyết hành động ngôn từ</b>		6	4.1.2; 4.1.3; 4.2.2; 4.3.2; 4.3.3
	3.1. Sự ra đời của lý thuyết hành động ngôn từ		
	3.2. Các loại hành động ngôn từ		
	3.3. Điều kiện sử dụng hành động ngôn từ		
	3.4. Cơ sở xác định hành động ngôn từ của phát ngôn		
<b>Chương 4. Lý thuyết lập luận</b>		4	4.1.2; 4.1.3; 4.2.2; 4.2.3
	4.1. Khái niệm lập luận		
	4.2. Bản chất của lập luận trong ngữ dụng		
	4.3. Các quan hệ lập luận và hiệu lực của lập luận		
	4.4. Tác tử lập luận và kết tử lập luận		
	4.5. Lẽ thường – cơ sở của lập luận		
<b>Chương 5. Lý thuyết hội thoại</b>		8	4.1.2; 4.1.3; 4.2.3; 4.2.4; 4.3.2; 4.3.3



5.1.	Khái niệm hội thoại		
5.2.	Yếu tố kèm lời và phi lời		
5.3.	Các vận động hội thoại		
5.4.	Các quy tắc hội thoại		
5.5.	Cấu trúc hội thoại		
<b>Chương 6.</b>	<b>Ý nghĩa tường minh và ý nghĩa hàm ẩn</b>	<b>6</b>	4.1.2; 4.1.4; 4.2.3; 4.2.3; 4.2.4; 4.3.2; 4.3.3
6.1.	Khái niệm ý nghĩa tường minh và ý nghĩa hàm ẩn		
6.2.	Tiền giả định và hàm ý		
6.3.	Cơ chế tạo hàm ý hội thoại		

### 7. Phương pháp giảng dạy:

Diễn giảng kết hợp với nêu vấn đề thảo luận, bài tập.

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thuyết trình nhóm và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm và bài tập cá nhân, và được đánh giá kết quả
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Năng động, mạnh dạn phát biểu trong giờ học

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

#### 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	30 tiết/30 tiết	5%	4.3.1; 4.3.2
3	Điểm bài tập	Tất cả bài tập được giao	10%	4.1.2; 4.1.3; 4.1.4; 4.3.2
4	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Thi viết (60 phút)	35%	4.1.2; 4.1.3 4.2.1; 4.2.1;
5	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết/ trắc nghiệm (90 phút) - Bắt buộc dự thi	50%	4.1.1 đến 4.1.4; 4.2.2; 4.2.3; 4.2.4; 4.3.3

#### 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một

chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

## 10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] <i>Ngữ dụng học</i> , Nguyễn Đức Dân, Nxb Giáo dục, HN - 1998, 401.4/ D121/T.1	SP.014854, SP.014855
[2] <i>Cơ sở ngữ dụng học</i> , Đỗ Hữu Châu, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2003, 401.4/ Ch125/T1	SP.010112, SP.010127, SP.010124, MOL.009936
[3] <i>Dụng học Việt ngữ</i> , Nguyễn Thiện Giáp, Nxb Đại học Quốc Gia, HN - 2004, 495.922/ Gi109	MOL000543, MOL00044
[4] <i>Ngữ pháp chức năng tiếng Việt</i> , Cao Xuân Hạo, Nxb Giáo Dục, HN - 1999	MOL037174, DIG002294
<b>Số thứ tự trên kệ sách: 495.9225/ H108/T1</b>	

## 11. Hướng dẫn sinh viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1	<b>Chương 1: Những vấn đề chung về NDH</b> 1.1. Quá trình hình thành và phát triển của NDH 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của NDH 1.3. Mối quan hệ của NDH và Ngữ pháp học và Ngữ nghĩa học 1.4. Ngữ cảnh	3		- Ôn lại nội dung về các bộ môn của Ngôn ngữ học. - Nghiên cứu trước: tài liệu [1], [2], [3], (chương 1), tìm hiểu nội dung về: + Những tiền đề của sự ra đời của NDH. + Các khái niệm: câu, phát ngôn, diễn ngôn. + Các nhân tố giao tiếp và ngữ cảnh. + Vai trò của ngữ cảnh trong giao tiếp.
2	1.4. Ngữ cảnh (tt) <b>Chương 2: Sự chiếu vật</b> 2.1. Khái niệm chiếu vật	3		- Làm bài tập hết chương 1 (GV cung cấp). - Ôn lại kiến thức về từ xưng hô, về nghĩa của từ trong tiếng Việt. - Nghiên cứu trước: tài liệu [2], [3] (chương 2), tìm hiểu về khái niệm, chiếu vật, nghĩa chiếu vật.
3	2.2. Điều kiện chiếu vật 2.3. Các phương thức chiếu vật 2.4. Cơ sở xác định nghĩa chiếu vật của phát ngôn			- Tìm hiểu về biểu thức chiếu vật và phương thức chiếu vật và cơ sở xác định nghĩa chiếu vật của phát ngôn trên cơ sở tham khảo tài liệu [2], [3]. - Làm bài tập hết chương 2 (GV cung cấp). - Tìm ngữ liệu trong các tác phẩm văn chương, phân tích nghệ thuật chiếu vật của tác giả.
4	<b>Chương: Lý thuyết hành động ngôn từ</b> 3.1. Sự ra đời của lý thuyết hành động ngôn từ	6		- Nghiên cứu trước: tài liệu [1] (chương 2), tài liệu [3] (chương 3), tìm hiểu nội dung: + Sự ra đời của lý thuyết hành động ngôn từ. + Những điểm giống nhau và khác nhau về



	3.2.Các loại hành động ngôn từ			việc phân chia các loại hành động ngôn từ giữa các tác giả. -Ôn lại lý thuyết đã học về các loại câu theo mục đích phát ngôn trong Cú pháp học tiếng Việt.
5	3.2.Các loại hành động ngôn từ (tt)			-Tìm hiểu về hành động tại lời của phát ngôn, các loại hành động tại lời trực tiếp và gián tiếp.
6	3.3.Điều kiện sử dụng hành động ngôn từ 3.6.Cơ sở xác định hành động ngôn từ của phát ngôn			- Tìm hiểu về: + Cơ sở xác định hành động ngôn từ của phát ngôn qua khảo sát ngữ liệu. +Tham khảo tài liệu [1], [2], [3], tìm hiểu về những tồn tại của lý thuyết hành động ngôn từ. -Làm bài tập hết chương 3 (GV cung cấp)
7	<b>Chương 4: Lý thuyết lập luận</b> 4.1.Khái niệm lập luận 4.2.Bản chất của lập luận trong ngữ dụng 4.3.Các quan hệ lập luận và hiệu lực của lập luận	4		- Nghiên cứu trước: tài liệu [1], [2] (chương 3), tìm hiểu nội dung: + Khái niệm lập luận và bản chất của lập luận trong ngữ dụng. + Sự khác biệt giữa lập luận trong logic và lập luận trong ngữ dụng qua một số ngữ liệu cụ thể GV nêu ra.
8	4.4.Tác tử lập luận và kết tử lập luận 4.5.Lẽ thường - cơ sở của lập luận			- Tìm hiểu trước nội dung về: + Các phương tiện ngôn ngữ định hướng lập luận và nối kết các thành tố lập luận. + Cơ sở để tạo lập và giải mã lập luận qua một số ngữ liệu cụ thể GV nêu ra. - Làm bài tập hết chương 4 (GV cung cấp). -Tìm ngữ liệu về lập luận, phân tích lập luận tìm được.
9	<b>Chương 5: Lý thuyết hội thoại</b> 5.1.Khái niệm hội thoại 5.2. Yếu tố kèm lời và phi lời  5.3. Các vận động của hội thoại	8		-Nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] (chương 4), tìm hiểu nội dung: + Giao tiếp và các hình thức giao tiếp. + Khái niệm hội thoại. + Phương tiện chính, phương tiện hỗ trợ và vai trò của chúng trong hội thoại. -Tìm ngữ liệu trong giao tiếp hàng ngày, trong tác phẩm văn chương, phân tích vai trò của các phương tiện của yếu tố kèm lời và yếu tố phi lời. -Nghiên cứu trước tài liệu [1], [2], tìm hiểu nội dung trao lời, đáp lời và tương tác. - Tìm ngữ liệu trong tác phẩm văn chương, phân tích sự tương tác (bằng lời, kèm lời và phi lời).
10	5.4.Các quy tắc hội thoại			- Tìm hiểu trước nội dung: + Quy tắc luân phiên lượt lời và mô hình trong một cuộc thoại. + Hiện tượng cắt lời, xen lời, tranh lời qua ngữ liệu GV nêu ra. - Làm bài tập (GV cung cấp).
11	5.4. Các quy tắc hội thoại (tt)			- Tìm hiểu trước nội dung: + Quy tắc cộng tác hội thoại. + Quy tắc lịch sự.

				- Làm bài tập (GV cung cấp).
12	5.5. Cấu trúc hội thoại			-Tìm hiểu trước: +Quan niệm của các tác giả về các đơn vị hội thoại. +Sơ đồ cấu trúc hội thoại và các đơn vị hội thoại. - Làm bài tập hết chương 5 (GV cung cấp).
13	<b>Chương 6: Ý nghĩa tường minh, ý nghĩa hàm ẩn</b> 6.1. Khái niệm ý nghĩa tường minh và ý nghĩa hàm ẩn  6.2. Tiên giả định và hàm ý	6		- Nghiên cứu trước[tài liệu [3], [4], tìm hiểu nội dung: + Quan niệm của một số tác giả về ý nghĩa tường minh và ý nghĩa hàm ẩn.  + Tiên giả định và các loại tiên giả định.
14	6.2. Tiên giả định và hàm ý			+ Tóm tắt về kết quả phân loại ý nghĩa hàm ẩn (hàm ngôn, hàm ý) theo các tác giả.
15	6.3.Cơ chế tạo hàm ý hội thoại			- Ôn lại nội dung đã học về các quy tắc hội thoại. - Nghiên cứu tài liệu [3], tìm hiểu nội dung về: + Sự vi phạm các quy tắc dụng học. +Cơ sở xác định hàm ý và cách thức tạo hàm ý hội thoại qua ngữ liệu GV nêu ra. -Làm bài tập hết chương 6 (GV cung cấp) - Tìm ngữ liệu từ trong các tác phẩm văn chương (đặc biệt là văn học dân gian), phân tích hàm ý và cơ chế tạo hàm ý.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 4 năm 2014

P. TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Văn Nở

TRẦN VĂN MINH